KHAI MỎ VÀ QUYỀN LỰC ĐỊA PHƯƠNG Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM - TIẾP CẬN TỪ TRƯỜNG HỢP THỔ TY HỌ HOÀNG TẠI MỎ ĐỒNG TỤ LONG THẾ KỶ XVIII(*)

VŨ ĐƯỜNG LUÂN*

Trong các công trình nghiên cứu về lịch sử chính trị vùng cao ở Việt Nam, hầu hết các học giả dù ở trong nước hay quốc tế đều nhất quán khẳng định tầm quan trọng của đội ngũ thổ ty - lực lượng được xem như là nền tảng chính tạo nên trật tự địa phương tại địa bàn cư trú của cộng đồng các dân tộc thiểu số (1). Thực tế là ảnh hưởng của các thổ ty là điều không cần bàn luận thêm khi nó được biểu hiện trong tất cả các khía cạnh của đời sống văn hóa - xã hội ở các khu vực miền núi (2). Dù vậy, việc lý giải về nền tảng kinh tế cũng như cội nguồn tạo nên sức mạnh của các thổ ty lại ít được xem xét một cách cụ thể. Thực tế là, một số nghiên cứu trước đây dường như cũng đã có hàm ý chỉ ra cơ sở của thể chế chính trị thổ ty được dựa trên hoạt động sản xuất nông nghiệp thông qua việc giới thiệu về môi trường sinh thái cũng như địa vực mà họ quản lý (3). Tuy nhiên việc tiếp cận quyền lực thổ ty ở Việt Nam chỉ như một thiết chế nông nghiệp là chưa hoàn toàn đầy đủ. Bởi lẽ như các kết quả điều tra thực địa đã chỉ ra: địa bàn quản lý và không gian quyền lực thực sự của các thổ ty ở Việt Nam nhất là khu vực miền núi phía Bắc trước đây là không lớn (4).

Hơn một thập niên trở lại đây, một số công trình nghiên cứu mới về xã hội của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã giới thiệu một số cách tiếp cận khác khi lý giải về quyền lực của các thổ ty. Các nghiên cứu của Micheal Churchman, James Anderson và Li Tana đã cho thấy cách thức mà các thủ lĩnh cộng đồng các dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới miền núi giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày nay vươn lên và trở thành lực lượng thống trị nhờ vào việc kiểm soát các tuyến giao thông và thương mại kết nối giữa khu vực miền núi ở phía Tây và vùng duyên hải phía Đông (5). Cùng lúc đó, việc độc quyền khai thác các loại tài nguyên thiên nhiên có giá trị chiến lược và mang tính chất hàng hóa cao như là quế cũng góp phần tạo nên quyền lực của các thổ ty địa phương người Thái ở miền Tây Thanh Hóa - Nghệ An (6).

Khai mỏ với tư cách là một trong những hoạt động khai thác tự nhiên tương đối phổ biến ở vùng cao Việt Nam do đó cũng được khẳng định là một trong những yếu tố làm thay đổi diện mạo kinh tế cũng như trật tự xã hội. Thậm chí, chính sách quản lý của nhà nước đối với hoạt động khai mỏ của triều Nguyễn từng được cho là nguyên nhân dẫn tới cuộc khởi nghĩa Nông Văn

*TS. Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQG Hà Nội

Vân - sự kiện có tác động sâu sắc đến toàn bộ xã hội vùng miền núi phía Bắc Việt Nam vào đầu thế kỷ XIX (7). Điều này cho thấy mối quan hệ quyền lực giữa nhà nước và các thổ ty địa phương liên quan đến lợi ích từ khai mỏ là tương đối phức tạp. Trước đó, trong các công trình nghiên cứu về hoạt động khai mỏ ở Viêt Nam thế kỷ XVIII - XIX, các tác giả như Phan Huy Lê, Vương Hoàng Tuyên đã đề cập tới một số mỏ khoáng sản đã được chính quyền cho phép các thủ lĩnh địa phương được lĩnh trưng (8). Tuy nhiên, những nghiên cứu kể trên thường chỉ giới hạn trong việc thể hiện quan hệ về mặt quản lý giữa nhà nước và các thổ ty địa phương đối với các hoạt động khai khoáng chứ chưa thể hiện một cách đầy đủ tầm quan trọng của khai mỏ trong các hoạt động chính trị hàng ngày cũng như chiến lược mà các thổ ty áp dụng trong việc khai thác các nguồn lợi từ mỏ.

Do đó, bài nghiên cứu này trên cơ sở sử dụng các nguồn tư liệu cả từ tiếp cận nhà nước và địa phương muốn làm rõ hơn nữa vị trí của hoạt động khai mỏ đối với thiết chế chính trị và xã hội ở các khu vực miền núi ở Việt Nam trong thời kỳ cổ trung đại. Thông qua phân tích lịch sử phát triển gần một thế kỷ của thổ ty họ Hoàng trong việc quản lý khai thác mỏ Tụ Long - một trong những trung tâm khai khoáng quan trọng bậc nhất ở vùng biên giới miền núi giữa Việt Nam và Trung Quốc, tác giả bài viết không chỉ chứng minh vai trò và ảnh hưởng của khai mỏ đối với quyền lực thổ ty tại một địa điểm cụ thể mà còn xem xét sự tương tác giữa nhà nước và xã hội địa phương trong các hoạt động khai thác khoáng sản nói chung. Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra bối cảnh lịch sử, cách thức mà các thủ lĩnh dân tộc thiểu số sử dụng khai mỏ như một phương thức xác lập quyền lực chính trị của mình ở khu vực biên giới; đồng thời cũng cho thấy cuộc cạnh tranh giữa các thế lực chính trị liên quan đến lợi ích khoáng sản. Điều này góp phần lý giải những chuyển biến trong trật tự chính trị cũng như ảnh hưởng xã hội mà các hoạt động khai mỏ để lại ở khu vực này cho tới trước khi diễn ra quá trình thực dân hóa.

1. Thổ ty, nhà nước và hoạt động khai khoáng ở vùng biên giới Việt - Trung

Trong suốt nhiều thế kỷ, trước khi có sự hiện diện của nhà nước, các thủ lĩnh địa phương luôn đóng một vai trò quan trọng trong trật tự ở các xã hội miền núi ở châu Á bao gồm khu vực biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc hiện nay (9). Nhìn lại lịch sử của các hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam thì có thể thấy không phải nhà nước mà các thủ lĩnh địa phương mới chính là những lực lượng chính trị đầu tiên thiết lập quyền kiểm soát đối với khai mỏ khi mà phần lớn tài nguyên khoáng sản đều chủ yếu tập trung ở các khu vực miền núi, nơi cư trú của đại bộ phận cộng đồng các dân tộc thiểu số. Điều đó được phản ánh thông qua số lượng lớn các trống đồng và các loại đồ đồng được phát hiện ở khu vực này cùng với đó là những ghi chép từ các nguồn sử liệu Trung Hoa về một cộng đồng cư dân tự trị gắn liền với văn hóa trống đồng (10). Tuy nhiên, phải từ thế kỷ XI trở đi, với sự ra đời của truyền thống biên chép lịch sử ở Việt Nam, vấn đề lịch sử khai thác mỏ ở Việt Nam mới được phản ánh và biết đến trực tiếp.

Thông tin từ các tài liệu lịch sử sớm của Đại Việt như *Việt sử lược* hay *Đại Việt sử ký toàn thư* đều đã đưa ra minh chứng cho sự tồn tại của một số hoạt động khai thác khoáng sản được tiến hành bởi cộng đồng các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc của đất nước khi mà các sản phẩm khai khoáng thường được mô tả như

là đồ cống phẩm mà các thủ lĩnh địa phương ở khu vực này dâng lên cho các vua triều Lý. Bên cạnh đó, trong khi thực hiện các hoạt động kinh dinh và quản lý đối với các khu vực miền núi phía Bắc, các chính quyền trung ương của Đại Việt cũng đều nhận ra sự tồn tại và vị trí của các mỏ khoáng sản trong hệ thống các nguồn tài nguyên quốc gia. Chẳng hạn vào năm 1039, thủ lĩnh châu Quảng Nguyên đã dâng lên triều đình một khối vàng sống nặng 112 lạng trong khi ở các châu Lộng Thạch và Định Biên đều có tấu báo về việc ở khu vực đó đều có mỏ bạc (11). Tất cả các thông tin này không chỉ cho thấy sự nhận thức nhất định của nhà nước Đại Việt thời Lý - Trần đối với tính chất quan trọng của các hoạt động khai thác mỏ mà đó có thể là một trong những tiền đề để chính quyền nhà Minh ngay sau khi thiết lập chế độ thống trị trên lãnh thổ Đại Việt đã ngay lập tức cho xây dựng các cơ sở khai khoáng (12).

Các ghi chép trong *Minh thực lục* dù không hoàn toàn đầy đủ nhưng cũng đã phần nào cho thấy chuyển biến đáng kể của hoạt động khai khoáng ở Đại Việt được tiến hành với chiến lược tập trung khai thác và bóc lột triệt để các nguồn tài nguyên của chính quyền đô hộ triều Minh. Tuy nhiên, phần lớn các chiến lược này đều được thực hiện dưới vai trò trực tiếp của các lực lượng thổ quan địa phương trong khi các quan lại nhà Hán chỉ giữ vị trí như những người quản lý (13). Bên cạnh đó, có thể thấy các hoạt động khai khoáng trong thời kỳ Minh thuộc đã góp phần quan trọng trong xác lập những tri thức nhất định cho các vương triều phong kiến ở Việt Nam về tài nguyên khoáng sản như là một nguồn lợi quan trọng của quốc gia. Điều này được phản ánh trong sự đa dạng loại sản vật khoáng sản mà Nguyễn Trãi ghi chép trong tác phẩm *Dư địa chí* tại nhiều đơn vị hành chính ở Đại Việt đầu thời kỳ Lê sơ (14). Chỉ có điều có thể những lợi thế về tài nguyên này đã không được khai thác một cách triệt để khi mà định hướng xây dựng kinh tế nông nghiệp và xã hội ổn định theo tư tưởng Nho giáo đã tác động trực tiếp đến sự phát triển lĩnh vực kinh tế này ở Đại Việt.

Ngoài ra, một lý do khác có thể góp phần lý giải cho sự thiếu quan tâm của vương triều Lê đối với hoạt động khai khoáng đó là sự gia tăng quyền lực của các thủ lĩnh địa phương. Trong suốt nhiều thế kỷ từ sau khi Việt Nam giành được độc lập, vấn đề kiểm soát và quản lý các khu vực biên giới luôn trở thành một trong những yêu cầu cấp thiết đối với các chính quyền phong kiến ở Việt Nam. Thậm chí, từ đầu thế kỷ XV, mặc dù triều đình nhà Lê đã cho thiết lập chế độ thổ ty và từng bước tạo ra cơ chế cho việc đưa các thủ lĩnh địa phương trở thành một bộ phận chính thức trong hệ thống hành chính của quốc gia, song về cơ bản các thổ ty vẫn là các thế lực tương đối độc lập. Do đó, việc cho phép dù trên danh nghĩa các thổ ty được thực hiện các hoạt động khai khoáng có thể là một sự cản trở đối với nỗ lực tập trung hóa quyền lực của nhà nước.

Tuy nhiên, bất chấp sự không cho phép từ phía triều đình trung ương, các hoạt động khai khoáng có thể đã vẫn được tiến hành một cách lén lút với vai trò điều hành của các thủ lĩnh địa phương. Theo một số ghi chép ít ỏi về các hoạt động khai thác khoáng sản ở Đại Việt trong các tài liệu biên niên sử của Việt Nam vào các thế kỷ XVI - XVII, thì một số mỏ vẫn được khai thác và trở thành một nguồn đóng góp tài chính quan trọng cho các thể chế chính trị địa phương ở vùng miền núi phía Bắc như quân đội nhà Mạc ở Cao Bằng hay gia tộc họ Vũ ở Tuyên Quang (15). Thông tin từ một tài liệu Trung Quốc khác là *Quảng*

Đông tân ngữ cho biết về sự tồn tại của một loại bạc có chất lượng tốt được lưu hành như một loại đơn vị tiền tệ được trao đổi ở khu vực Quảng Châu vào giữa thế kỷ XVII có nguồn gốc từ miền Bắc Việt Nam (16).

Dù vậy, cũng phải thừa nhận rằng đến cuối thế kỷ XVII, mặc dù cộng đồng các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam đã thực hiện các hoạt động khai khoáng trên thực tế song về cơ bản lĩnh vực kinh tế này chưa bao giờ có được quy mô và mức độ khai thác xứng đáng với tiềm năng của nó. Cùng với sự thiếu hỗ trợ chính sách từ phía nhà nước thì việc thiếu hụt lực lượng lao động có kỹ thuật cũng là một trong những hạn chế đáng kể để có thể mở rộng phạm vi sản xuất của lĩnh vực kinh tế này. Kinh nghiệm sản xuất của các hoạt động khai khoáng truyền thống đòi hỏi một lực lượng nhân công lên tới hàng trăm người tại mỗi địa điểm khai thác (17). Yêu cầu này rõ ràng hoàn toàn không phù hợp với đặc điểm phân bố dân cư vốn khá thưa thớt ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam cho đến trước thời kỳ thực dân hóa. Bên cạnh đó, bản thân những người hoạt động trong lĩnh vực này đều phải đòi hỏi có những kỹ thuật và hiểu biết nhất định trong khi phần lớn các hoạt động khai thác của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam vẫn chủ yếu dựa trên kinh nghiệm truyền khẩu. Ngoài ra, vào các thế kỷ XVI - XVII, khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, nơi tập trung các nguồn khoáng sản kim loại có giá trị lại trở thành chiến trường chủ yếu cho các cuộc chiến giành quyền lực giữa các thế lực quân phiệt ở miền Bắc Việt Nam.

Tuy nhiên đến đầu thế kỷ XVIII, một loạt các điều kiện mới thúc đẩy sự phát triển của hoạt động khai khoáng ở miền Bắc Việt Nam đã dần xuất hiện. Trước hết, tình hình chính trị ở khu vực này đã quay trở lại trạng thái tương đối ổn định sau khi chính quyền triều Lê hoàn thành tiêu diệt các lực lượng quân sự cuối cùng của nhà Mạc ở Cao Bằng và chấm dứt chính quyền cát cứ của gia tộc họ Vũ ở Tuyên Quang vào nửa sau của thế kỷ XVII. Tiếp đó, những thay đổi trong chính sách khai khoáng và phát triển kinh tế tương đối cởi mở của chính quyền nhà Thanh nhất là ở vùng miền núi biên viễn Tây Nam đã tạo ra một làn sóng di dân của các cộng đồng khai mỏ người Hán từ nội địa Trung Quốc đến khu vực biên giới giữa Trung Quốc với các quốc gia Đông Nam Á hiện nay để tìm kiếm khoáng sản và cơ hội đổi đời. Theo ước tính trong vòng khoảng một thế kỷ, chỉ tính riêng dân số của tỉnh Vân Nam, một tỉnh biên giới với Việt Nam đã tăng gấp năm lần (18). Thông tin từ các nguồn tư liệu biên niên sử của Trung Quốc cũng cho thấy nhiều nhóm khai mỏ người Hán đã vượt biên để tìm các mỏ khoáng sản có tiềm năng ở khu vực thuộc lãnh thổ Việt Nam và Myanmar ngày nay; nhờ đó đã tạo nên một lực lượng lao động dồi dào (19). Theo ước tính từ các ghi chép tương đối tản mạn về số các lao động hoạt động trong các công trường khai mỏ ở miền Bắc Việt Nam vào giai đoạn này, số lượng lao động có nguồn gốc từ Trung Quốc xuất hiện ở khu vực các mỏ khoáng sản ít nhất cũng phải lên tới vài vạn người (20).

Việc bổ sung một nguồn lao động mới có trình độ kỹ thuật trong lĩnh vực khai mỏ một mặt đã tạo ra một lực đẩy quan trọng cho sự phát triển của hoạt động kinh tế này, giúp cho các hoạt động khai thác được mở rộng với quy mô ngày càng lớn hơn song mặt khác nó đã làm thay đổi tầm nhìn của chính quyền trung ương nhà Lê đối với việc nhận thức tầm quan trọng cũng như đưa ra những sự thay đổi phù hợp trong chính sách quản lý đối với công nghiệp khai khoáng. Trong ba thập niên đầu của thế kỷ

XVIII, triều đình Lê - Trịnh một mặt đã thừa nhận việc giao dịch tư nhân đối với các loại sản phẩm kim loại vốn bị coi là mặt hàng độc quyền sản xuất và trao đổi của nhà nước đồng thời chấp nhận sự tồn tại của một số mỏ khoáng sản nhưng với một số lượng lao động được chính quyền xác định (21). Mặc dù vậy, những lực đẩy từ chính sách khai khoáng này có lẽ chưa đạt được hiệu quả thực sự như kỳ vọng nhất là trong bối cảnh hàng loạt các cuộc khởi nghĩa nông dân diễn ra với quy mô lớn ở Đàng Ngoài vào những năm 1740. Trong khi đó, điều quan trọng hơn cả là các thổ ty địa phương - những người có vị thế chính trị đặc biệt ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam chưa thực sự được nhà nước tin cậy giao phó việc quản lý và khai thác các mỏ khoáng sản.

Thông tin từ các tài liệu biên niên sử của Đại Việt trong giai đoạn này phản ánh việc chính quyền nhà Lê vẫn thể hiện một thái độ khá thận trọng đối với thủ lĩnh các dân tộc thiểu số thông qua ngăn chặn các tương tác giữa các thủ lĩnh với các thế lực chính trị trong chính quyền trung ương cũng như không chấp nhận việc ban cấp cho họ một số quyền lực lớn hơn (22). Theo biên niên sử của Đại Việt, trong giai đoạn này, các mỏ vàng, bạc, đồng, chì, sắt, diêm sinh ở ngoại trấn phần nhiều ban cho các nhà quyền quý, các sủng thần trưng thu, và sau đó lấy lý do lượng thuế mỏ thu được rất ít, chính quyền nhà Lê mới ủy cho trấn ty quản thu (23). Điều này cho thấy trong suốt một khoảng thời gian dài, các mỏ khoáng sản trên danh nghĩa vẫn do các lực lượng quan lại, quý tộc triều Lê lĩnh trưng. Tuy nhiên, chủ trương này dường như đã thay đổi vào năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757), khi chính quyền nhà Lê cho thổ ty châu Vị Xuyên là Hoàng Văn Kỳ quyền khai thác mỏ Tụ Long. Việc chính quyền nhà Lê quyết định cho Hoàng Văn Kỳ khai thác mỏ này có thể được lý giải từ việc khu vực mỏ đồng Tụ Long đã rơi vào tình trạng đóng cửa sau một thời gian trải qua loạn lạc trong những năm 1740 (24). Trong khi đó, vai trò của nhà nước ở khu vực này là không đáng kể nhất là khi vị trí địa lý của mỏ đồng Tụ Long nằm ở vị trí như một ốc đảo tại ngay khu vực biên giới Việt - Trung và rất khó tiếp cận từ Kinh đô Thăng Long. Do đó, thổ ty địa phương là lực lượng nhanh nhất và duy nhất có thể giúp mỏ Tụ Long khôi phục sản xuất. Ngoài ra, bản thân chính quyền nhà Lê lúc này cũng đang cần bổ sung tài chính cần thiết cho các hoạt động quân sự bao gồm bình định các cuộc khởi nghĩa nông dân ở vùng châu thổ sông Hồng.

Trong một chừng mực nào đó, có thể thấy sự kiện Hoàng Văn Đồng lĩnh trưng mỏ Tụ Long đã đặt ra tiền lệ mới cho sự tham gia của thổ ty trong việc hỗ trợ nhà nước quản lý và khai thác các hoạt động khoáng sản. Đến năm Cảnh Hưng thứ 21 (1760), chính quyền Lê - Trịnh thực hiện chế độ giám quản ở các trường mỏ trong đó: "sai các quan trọng thần thân quý và trấn quan ở địa phương mỗi viên quản giám một hoặc hai trường mỏ, cho xuất vốn riêng rồi chọn các thổ mục ở phiên trấn tuỳ tiện chiêu tập thuê làm, đợi khi đã thành mỏ thì làm tờ khải lên" (25). Rõ ràng, với chính sách kể trên, triều đình Đại Việt dường như đã chính thức cho phép các thổ ty địa phương được phép tiến hành khai thác tại các trường mỏ mặc dù các hoạt động này vẫn được đặt dưới sự giám sát của các quan lại từ chính quyền trung ương. Tuy nhiên, dù cho việc các trường mỏ nằm dưới sự lĩnh trưng của các quan lại nhà nước hay các thổ ty thì có thể thấy một thực tế là phần lớn các hoạt động khai mỏ có mối liên hệ mật thiết với các cộng đồng xã hội địa phương. Tại các trường mỏ, thổ ty địa phương có lẽ trở thành người có vai trò đặc

biệt quan trọng không chỉ bởi là người đại diện cho cộng đồng cư dân bản địa mà họ còn là người bảo trợ cho những người Hán đến khai thác khoáng sản ở khu vực mà họ quản lý. Điều này góp phần vào quá trình xây dựng và củng cố quyền lực của thổ ty địa phương ở các trường mỏ. Đó cũng là nguyên nhân các thổ ty địa phương dần trở thành thế lực chiếm lĩnh nhiều mỏ kim loại quan trọng ở vùng miền núi phía Bắc Việt Nam; trong đó trường hợp của gia tộc họ Hoàng ở mỏ Tụ Long có thể coi là một trong những điển hình của mối quan hệ giữa quyền lực của thổ ty và khai mỏ ở Việt Nam vào nửa cuối của thế kỷ XVIII.

2. Mỏ đồng Tụ Long và sự trỗi dậy của gia tộc họ Hoàng

Các tài liệu lịch sử sớm mô tả về cộng đồng cư dân ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cho biết họ Hoàng là một trong những dòng họ bản địa tại địa phương. Theo *Quế Hải ngu hành chí* của Phạm Thành Đại thì "những châu động ki -mi đa phần đều lệ thuộc ở vùng Tả Hữu giang, xưa có bốn đạo. Tại các châu An Bình, Vũ Lặc, Trung Lương, Thất Nguyên đều là người họ Nùng, lại có bốn đạo khác là An Đức, Quy Lạc, Lộ Thành, Điền Châu đều là người họ Hoàng" (26). Tống sử cũng ghi ở khu vực này, "ban đầu các họ Vi, họ Hoàng, họ Chu, họ Nông đều là các dòng họ thủ lĩnh, tranh giành đánh nhau. Đến thời Đường, Ung quản Kinh lược sứ là Từ Thân Hậu chiêu dụ được khiến họ Hoàng phải đến làm tin, nhờ đó mà mười ba bộ, hai mươi chín châu của người man đều được yên ổn" (27). Tuy nhiên, tư liệu gia phả họ Hoàng ở Tụ Long được biên soạn vào năm 2005 dựa trên một bản gia phả khác được biên soạn vào thời Quang Tự (1876-1908) thì cho rằng họ Hoàng ở Tụ Long vốn gốc gác ở phủ Triệu Khánh, tỉnh Quảng Đông đến thời Thuận Trị thì di cư đến khu vực biên giới Việt - Trung (28).

Dù vậy, các nguồn tư liệu của cả Việt Nam và Trung Quốc đều xác nhận nhân vật có thế lực và ảnh hưởng thuộc gia tộc họ Hoàng ở Tụ Long được biết sớm nhất là Hoàng Văn Tuy - người từng đóng một vai trò đặc biệt trong cuộc tranh chấp biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc ở Tụ Long vào đầu thế kỷ XVIII. Trong các văn kiện ngoại giao giữa hai bên liên quan đến sự kiện này, Hoàng Văn Tuy không chỉ đóng vai trò như là một thổ ty dưới chính quyền Lê - Trịnh, người chỉ huy một đơn vị quân đội, đóng giữ ở biên giới mà còn là người từ chối tiếp nhận công văn do chính quyền tỉnh Vân Nam gửi thư cho quốc vương An Nam. Điều này sau đó đã dẫn tới những hiểu lầm giữa chính quyền hai bên (29).

Trước đó, theo Lê Quý Đôn, vào năm Bảo Thái thứ 3 (1722), khi chính quyền địa phương ở Tuyên Quang thiết lập hệ thống đồn binh ở khu vực biên giới thì rất nhiều người họ Hoàng đã trở thành những người chỉ huy quân sự ở khu vực biên giới, như cai quan đồn Tụ Long là các thổ mục Hoàng Văn Chi, Hoàng Văn Tuy hay cai quản đồn Bình Di, một cửa khẩu biên giới khác là các thổ mục Hoàng Văn Toàn, Hoàng Văn Thụy (30). Điều này cho thấy, họ Hoàng là một trong những gia tộc lớn và có ảnh hưởng ở khu vực này. Đến đầu thế kỷ XIX, trong số những người sở hữu ruộng đất ở xã Tụ Long vào năm Gia Long thứ 4 (1805), thì tất cả đều là người họ Hoàng trong khi số lượng những người thuộc dòng họ này nắm giữ các chức dịch tại địa phương cũng chiếm ưu thế tuyệt đối. Chỉ có một người duy nhất thuộc dòng họ khác là thành viên trong hàng ngũ quan lại địa phương ở Tụ Long giai đoạn đầu của triều Nguyễn (31).

Trong các thổ ty họ Hoàng ở Tụ Long, những người được đề cập đến nhiều nhất có lẽ là hai anh em Hoàng Văn Kỳ và Hoàng Văn Đồng. Theo bản tấu của Tổng đốc Vân Nam và Quý Châu là Thạch Sắc gửi cho hoàng đế Càn Long vào năm 1751 cho biết việc một thủ lĩnh địa phương của Việt Nam là Nguyễn Thế Khôi đã giết nhầm một viên thổ luyện của triều Thanh trong quá trình tiêu diệt các lực lượng thổ phỉ ở khu vực biên giới. Vào thời điểm đó Hoàng Văn Kỳ với tư cách là thổ mục tại địa phương đã tiến hành bắt hung phạm để giao nộp; nhưng sau đó chính quyền nhà Thanh không giết Nguyễn Thế Khôi mà giao cho thổ mục Hoàng Văn Kỳ tự xử lý (32). Mặc dù vậy, trước đó vào năm Càn Long thứ 14 (1748), theo tấu báo của Tổng đốc Vân Quý là Trương Doãn Tùy thì Hỹ Trường, người được biết đến như là hậu duệ của họ Vũ ở Tuyên Quang và cầm đầu một lực lượng phản loạn hoạt động ở khu vực biên giới Điền - Việt đã thường xuyên đánh nhau với thổ ty họ Hoàng mà không phân thắng bại (33). Điều này dường như đã gián tiếp cho thấy Hoàng Văn Kỳ có lẽ đã đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp chính quyền Lê - Trịnh dẹp yên các lực lượng phản loạn ở khu vực Tuyên Quang, Hưng Hóa trong những thập niên 1740, nhờ đó mà ông ta đã được trọng dụng và được giao cho việc quản lý và khai thác ở mỏ đồng Tụ Long. Đến năm 1757, "triều đình hạ lệnh cho quan trấn thủ khai mỏ lấy đồng, giao cho đầu mục bản thổ là Hoàng Văn Kỳ chiêu tập người Hóa Thường đến trưng và thu thuế khóa, sau em là Hoàng Văn Đồng kế tiếp làm đồn trưởng" (34). Như vậy, Hoàng Văn Kỳ không chỉ tự khẳng định mình như một thủ lĩnh tại địa phương mà ông ta đã từng bước đưa những người trong gia tộc của mình nắm giữ các vị trí chỉ huy và quản lý quan trọng ở Tụ Long. Từ thời điểm này, lợi dụng vai trò như là người đại diện cho nhà nước ở khu vực biên giới, hai anh em Hoàng Văn Kỳ và Hoàng Văn Đồng đã tìm mọi cách để trở thành một thế lực lớn cả về kinh tế và quân sự tại địa phương. Theo Lê Quý Đôn, nhiều nguồn tài nguyên đáng kể ở khu vực biên giới Tụ Long đã được hai anh em Hoàng Văn Kỳ và Hoàng Văn Đồng thu thuế khai thác để chiếm lợi riêng cho mình (35).

Sự kiện Hoàng Văn Kỳ chính thức được nhận quyền lĩnh trưng mỏ đồng Tụ Long có thể là một trong những bước chuyển biến quan trọng đối với quyền lực của họ Hoàng cũng như hoạt động khai khoáng ở khu vực biên giới Việt - Trung. Theo đánh giá của Phan Huy Chú, Tụ Long có thể được coi là một trong những mỏ đồng tốt nhất ở Việt Nam và tiền tệ của đất nước đều từ đấy mà ra (36). Trong một bản tấu gửi hoàng đế Càn Long vào năm Càn Long thứ 8 (1743), quan lại của tỉnh Vân Nam ước đoán "riêng một mỏ Tụ Long, tụ tập dân man di không dưới 10 vạn người, phần lớn là dân lang thang không có nghề nghiệp từ nội địa đến đó" (37). Mặc dù con số mà các quan lại địa phương của tỉnh Vân Nam báo về Bắc Kinh có phần hơi phóng đại tuy nhiên chỉ với một vài vạn lao động, Tụ Long có thể được xem như một trong những trường mỏ có quy mô cực kỳ lớn vào thời điểm bấy giờ. Về sản lượng theo ước tính của Lê Quý Đôn, Tụ Long khai thác được mỗi năm từ 45 vạn cân đồng (38). Với con số này, Tụ Long thật khó có thể so sánh với sản lượng khai thác đồng ở Vân Nam và Trung Quốc với ước tính từ 1.000-1.200 vạn cân mỗi năm trong thời kỳ Càn Long (39) tuy nhiên, theo đánh giá của Alexander Woodside với sản lượng này, mỏ Tụ Long có thể được xem như là một trong những mỏ đồng có sản lượng lớn nhất ở châu Á (40). Bên cạnh đó, Tụ Long

không chỉ sản xuất đồng mà còn khai thác ra một số lượng lớn bạc. Trung bình cứ khai thác 10 cân đồng sẽ lấy ra được khoảng 7-8 phân bạc, một vạn cân lấy được 8 hốt bạc (41); do đó với 45 vạn cân đồng mỗi năm trung bình mang lại cho cộng đồng khai mỏ ở Tụ Long khoảng 3,6 vạn lạng bạc. Điều này cho phép gia tộc họ Hoàng có một nguồn thu đáng kể và trực tiếp từ các hoạt động sản xuất và mua bán đồng.

Tại Tụ Long, hầu hết những người đến khai thác hoặc buôn bán đều phải nộp thuế cho các quan lại địa phương. Chẳng hạn chỉ tính riêng những người Hán ở xưởng đồng cho đến phố chợ số lượng có tới hàng ngàn hộ, trong đó mỗi hộ phải nộp thuế cho thổ quan là 5 lạng bạc. Những người đến buôn bán đồng cứ mỗi 100 cân đồng thu tới 1 quan 2 tiền (42). Với con số này theo ước tính của Lê Quý Đôn mỗi năm thu được không dưới 1.000 dật bạc mà còn chưa bao gồm các loại thuế quan ải và thuế mỏ.

Bên cạnh đó, nguồn lợi từ các hoạt động khai thác khoáng sản mà hai anh em họ Hoàng thu được còn từ việc khai thác lậu các mỏ khoáng sản khác trong đó có mỏ bạc Nam Đương - một trong những trường mỏ đã từng được nhắc tới trong nhiều tài liệu triều Thanh vào thế kỷ XVIII. Lê Quý Đôn khi đến Tụ Long cho biết: "Mỏ bạc Nam Đương châu Vị Xuyên, trước giao cho viên quan ở trấn thu thuế, đến năm Bính Tí (1756), Hoàng Văn Kỳ xin tăng bạc thuế, nhân đấy để khai mỏ đồng... Người bản thổ đều nói bảy mươi mốt cửa tàu, mỗi năm thu được không dưới vài ba trăm hốt. Văn Kỳ thường mua chuộc phái nhân của các viên quan trấn ẩn giấu đi cho. Bởi vì người Kinh đi từ Hà Giang lên, phải qua thôn Tha, Phấn Vũ, Bán Quân, Bình Di đến phố Tụ Long, gồm bốn ngày đường bộ, mới đến chỗ ở của Văn Đồng. Hơn nữa, mỏ Nam Đương thuộc cửa ải Bắc Tỉ lại ở mặt sau doanh mới, cách bốn trùng núi, không phải người ngoài nhòm thấy một cách dễ dàng được. Tôi hỏi lại những người khác, thì lời nói trên quả là đúng" (43).

Ngoài ra, Hoàng Văn Kỳ và Hoàng Văn Đồng còn thu được thuế thương mại từ các cửa ái. Theo Lê Quý Đôn, "ở châu Vị Xuyên, hai cửa ải Bắc Tỉ và Tụ Hà, trước vẫn có ngạch thuế, Hoàng Văn Kỳ và Hoàng Văn Đồng nói là bỏ hoang mãng, tự ý chiếm lấy để độc quyền thu thuế". Dựa trên ước tính của Lê Quý Đôn thì thì tại các cửa ải này ước tính "mỗi ngày thường thu được 5-6 quan, mỗi tháng 6 phiên chợ, mỗi phiên thu được đến trăm quan. Tại cửa ải Phương Độ, nơi mà Hoàng Văn Đồng nhận lĩnh trưng; mỗi năm ông ta thu 2.000 quan, mà chỉ nộp cho quan trưng thu 1.200 quan. Các cửa ải Nam Ngoại, Kênh Ngoại chỉ có ngạch thuế là 7 dật bạc song thổ ty địa phương là Hoàng Văn Đề đã kiếm được mỗi năm lên tới cả trăm hốt bạc" (44). Hơn thế nữa các loại gỗ quý như ngọc am - một trong những nguồn lâm sản phong phú ở khu vực các trấn Tuyên Quang, Hưng Hóa cũng bị Hoàng Văn Đồng chiếm giữ, độc quyền thu thuế, mỗi năm ba dật bạc. Sự giàu có của hai anh em họ Hoàng cũng được Lê Quý Đôn nhấn mạnh khi ông ta cho biết Hoàng Văn Đồng đã xây dựng kho tàng riêng ở khu vực do mình quản lý.

Tất cả những điều này không chỉ giúp hai anh em họ Hoàng có đủ khả năng tài chính để xây dựng lực lượng quân sự riêng từ cộng đồng địa phương cho đến những người di cư. Theo Lê Quý Đôn, ở Tuyên Quang "có giống người Tạo đến từ các phủ Quảng Nam, Khai Hóa và Phú Châu. Hàng năm cứ đến tháng chín tháng mười họp bè bạn mang bạc đến các thôn ở Tụ Long, mua hoa gạo, làm con cúi, tích đầy đủ, đợi đến tháng chạp thì mang về nước. Họ sang nước ta có lúc năm sáu mươi người, có lúc hơn

trăm người. Người nào không có vốn thường cướp giật của hành khách, ăn uống thô tục, quần áo bẩn thỉu. Năm Ất Mùi, khi Hoàng Văn Đồng giữ việc khai mỏ ở Tống Tinh từng thuê họ làm lính, phát cho mỗi người 7 lạng, thu dùng được hơn trăm người, ba tháng mới giải tán" (45). Từ đoạn sử liệu trên có thể thấy, cho đến cuối thế kỷ XVIII, Hoàng Văn Đồng và gia tộc họ Hoàng chẳng những đã nắm giữ hai trường mỏ quan trọng nhất ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam là Tụ Long và Tống Tinh mà điều đáng kể hơn là đã xây dựng một liên minh quân sự dựa trên lực lượng của các thổ ty và cộng đồng khai mỏ. Liên kết này được hình thành chủ yếu không chỉ nhờ vào mối liên hệ quyền lợi kinh tế mật thiết giữa hai bên mà điều quan trọng hơn nó giúp cộng đồng này có thể tồn tại và chống chọi với nhiều thế lực chính trị khác đe dọa lợi ích của họ ở khu vực biên giới.

3. Kiểm soát của nhà nước và cuộc nổi dậy của Hoàng Văn Đồng

Dưới góc nhìn của các quan lại chịu ảnh hưởng nền giáo dục Nho giáo từ Thăng Long như Lê Quý Đôn, rõ ràng hành động ẩn lậu thuế khóa cho đến việc thu các loại thuế khác nhau để tăng cường sức mạnh quân sự của họ Hoàng bị xem như những hành động phản ngịch, đe dọa đến vai trò và khả năng quản lý của nhà nước. Điều này dường như sau đó đã có những ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ của chính quyền nhà Lê đối với Hoàng Văn Đồng và sự phản kháng của các thổ ty ở Tụ Long sau đó đến như một hệ quả tất yếu. Theo sách *Tục biên*, vào tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779) khi Hoàng Văn Đồng làm phản, chính quyền nhà Lê sai trấn thủ Sơn Tây là Hồng Lĩnh hầu Nguyễn Khản thống lĩnh toàn bộ quân của các đạo Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn để tiến đánh. Giải thích về nguyên nhân cho chiến dịch chinh phạt của triều đình Hậu Lê, tài liệu này cho biết Hoàng Văn Đồng sau bị đánh bại ở Tam Kỳ (thủ phủ của trấn Tuyên Quang) đã lui về trấn giữ Tụ Long, hội họp dư đảng làm kế cố thủ. Lợi dụng lúc chính quyền nhà Lê phải đối phó với lực lượng hải tặc ở vùng duyên hải đông nam, Hoàng Văn Đồng càng hung hăng tự xưng làm vua nên chính quyền nhà Lê buộc phải đem quân đi đánh (46).

Ngoài ra, một tư liệu khác từ phía triều Thanh giúp chúng ta nhìn rõ hơn thực chất của quan hệ giữa Hoàng Văn Đồng và chính quyền nhà Lê cũng như nguyên nhân xung đột giữa hai bên. Vào tháng 10 năm Càn Long thứ 44 (1779), triều Thanh nhận được tấu sớ từ Tổng đốc Vân - Quý về việc các quan lại địa phương bắt được một nhóm người đứng đầu là Lưu Cảnh Cao cùng gia đình của mình từ khu vực biên giới trở về nội địa. Theo lời khai của những người này, thì họ vốn buôn bán ở xưởng đồng Tụ Long đã nhiều năm. Đến mùa đông năm trước [tức năm Càn Long thứ 43 (1778)], người quản lý việc ở các xưởng mỏ ở An Nam là thổ mục Hoàng Văn Đồng do nợ thuế mà không giao nộp, khi sai nha đến đòi thuế liền kháng cự, chính quyền nhà Hậu Lê mới phát binh để tiễu trừ (47). Như vậy, có thể thấy nguyên nhân ẩn chứa đằng sau cuộc nổi dậy của Hoàng Văn Đồng thực chất xuất phát từ các yếu tố kinh tế, đặc biệt là các lợi ích liên quan đến khai mỏ hơn là các yếu tố chính trị.

Tuy vậy cũng cần phải thấy rằng, hành động cứng rắn của chính quyền Lê - Trịnh đối với Hoàng Văn Đồng có thể được bắt nguồn từ bối cảnh lịch sử cụ thể. Đầu tiên, sau chiến dịch bình định cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất ở Hưng Hóa vào những năm 1760, chính quyền Lê - Trịnh từng bước tiếp cận và từng bước thiết lập chính quyền ở khu vực biên cương phía

Tây. Điều kiện này cũng giúp chính quyền Lê -Trịnh hiểu rõ hơn về thực trạng của các hoạt động khai mỏ cũng như quyền lực của anh em họ Hoàng ở Tụ Long. Đó là lý do vào năm Cảnh Hưng thứ 35 (1774), chính quyền Lê - Trịnh quy định mức thuế đối với mỏ đồng Tụ Long trong đó yêu cầu người lĩnh trưng phải nộp một vạn cân đồng mỗi năm (48). Bên cạnh đó, sự tự tin vào sức mạnh quân sự của chính quyền Lê - Trịnh đã tăng lên đáng kể khi mà đến năm 1775, quân đội Lê - Trịnh đã tiến đến Thuận Quảng (khu vực miền trung Việt Nam ngày nay), đánh bại hoàn toàn thế lực của họ Nguyễn ở phương nam. Sức mạnh này một lần nữa lại được thể hiện rõ nét thông qua cuộc viễn chinh của quân đội nhà Lê - Trịnh lên Tuyên Quang.

Vào tháng hai năm Cảnh Hưng thứ 41 (1780), chỉ sau vài tháng tiến hành một chiến dịch quân sự với quy mô lớn ở khu vực rừng núi phía Bắc, quân đội nhà Lê - Trịnh đã chiếm được Tụ Long. Theo mô tả của các sử thần triều Lê, khi quân triều đình do Nguyễn Khản chỉ huy tiến lên Tuyên Quang, Hoàng Văn Đồng cho đem hết quân giữ nhưng chỗ hiểm. Do đó, Nguyễn Khản phải sai em là Điều Nhạc hầu Nguyễn Điều mượn đường từ Trung Quốc đem quân thẳng đến sào huyệt đánh quân của Hoàng Văn Đồng nên mới phá tan được, khiến Hoàng Văn Đồng phải trốn đi xa. Quân đội nhà Lê - Trịnh san bằng hết lũy đồn rồi về, đồng thời cử Nguyễn Điều làm Trấn thủ Tuyên Quang (49). Về phía Hoàng Văn Đồng, sau thất bại trong trận chiến ở Tụ Long, ông ta có thể đã chạy sang khu vực do chính quyền nhà Thanh kiểm soát ở Vân Nam.

Trên thực tế từ khá sớm, cuộc nổi dậy của Hoàng Văn Đồng đã thu hút được sự quan tâm của chính quyền địa phương của tỉnh Vân Nam. Vào tháng bảy năm Càn Long thứ 44 (1779), ngay khi những hành động phản kháng của Hoàng Văn Đồng diễn ra không lâu, Tổng đốc Vân Quý là Lý Thời Nghiêu đã tấu báo về Bắc Kinh cho biết: "khu vực phủ Khai Hóa tỉnh Vân Nam, nơi tiếp giáp với An Nam, cùng với đường Quảng Tây là nơi có đường giao thông trọng yếu. Hiện nay Hoàng Văn Đồng làm phản ở An Nam nên chắc khắp nơi. Do đó, nếu mà ở Vân Nam có dấu hiệu của bọn giặc chắc sẽ theo đường Khai Hóa mà về; hoặc đồng đảng của Hoàng Văn Đồng giả dạng thổ mục An Nam đều là quỷ kế của kẻ gian, không thể không đề phòng" (50). Hai tuần sau, theo lời của Tuần phủ Quảng Đông Lý Chất Dĩnh thì ông ta nhận được công văn từ chính quyền Đại Việt trong đó có đề cập đến vấn đề Hoàng Văn Đồng và đề nghị phối hợp truy bắt (51).

Đáp lại yêu cầu từ phía Đại Việt, chính quyền Càn Long đã thể hiện chủ trương kiên quyết tiến hành phối hợp truy bắt thông qua việc ra lệnh cho các quan lại địa phương tăng cường kiểm tra tuần tiễu các cửa ải, nếu như có bắt được lực lượng của Hoàng Văn Đồng thì bắt giữ và giải về Đại Việt. Dù vậy cũng phải thấy rằng, sự phản ứng của chính quyền nhà Thanh đối với cuộc khởi nghĩa của Hoàng Văn Đồng còn được bắt nguồn từ những lo ngại mà cuộc khởi nghĩa này có thể sẽ gây ra những ảnh hưởng đến sự ổn định của tình hình an ninh và chính trị của chính quyền địa phương triều Thanh ở khu vực biên giới. Tuy nhiên, cho đến cuối cùng tất cả những nỗ lực của chính quyền cả hai bên trong việc truy bắt Hoàng Văn Đồng đều không thể thực hiện được. Gần một năm kể từ khi chính quyền triều Thanh đáp ứng lời yêu cầu từ phía Đại Việt thắt chặt việc quản lý biên giới và tiến hành truy bắt, Hoàng Văn Đồng vẫn tự do hoạt động ở khu vực biên giới Việt - Trung trước khi ông ta xin hàng

và đề nghị xin được miễn tội. Hoàng Văn Đồng sau đó đã trở lại vị trí cũ, thậm chí được bổ nhiệm làm Hiệp trấn Tuyên Quang, một trong những chức vụ quan trọng trong hệ thống các quan lại địa phương ở khu vực biên giới.

Lý giải nguyên nhân sự thay đổi thái độ nhanh chóng của chính quyền nhà Lê-Trịnh đối với Hoàng Văn Đồng, chúng ta có thể căn cứ vào lời tấu của Tổng đốc Vân Nam là Phú Cương gửi hoàng đế Càn Long sau đó khi triều Thanh tiến hành các chiến dịch quân sự ở Đại Việt. Theo điều tra của viên quan triều Thanh này: "cha của di mục Hoàng Văn Trăn là Hoàng Văn Đồng năm Càn Long thứ 44 (1779) nhân việc thiếu thuế mỏ nên nước kia phát binh bắt giữ, đã từng yêu cầu tỉnh Điền hợp sức truy nã. Tổng đốc tiền nhiệm là Lý Thì Nghiêu từng dâng triệp nêu rõ. Theo trấn phủ Khai Hóa thám báo thì Hoàng Văn Đồng đã được quốc vương miễn tội, tiếp tục dùng... Mới đây thần hỏi Nguyễn Đình Mai thì y khai rằng là việc của phụ chính họ Trịnh vì hiềm nghi nên mưu hại chứ không phải bản ý của vua Lê" (52). Tư liệu kể trên phần nào đã cho thấy sự phục hồi quyền lực chính trị của Hoàng Văn Đồng rất có thể liên quan đến sự biến đổi chính trị trong nội bộ vương triều Hậu Lê vào cuối thế kỷ XVIII. Vào thời điểm đó, thế lực nắm quyền lực chính chủ yếu trong hệ thống chính quyền ở miền Bắc Việt Nam là chúa Trịnh ngày càng suy yếu trong khi vua Lê lại muốn sử dụng Hoàng Văn Đồng và các thổ ty địa phương như một phần trong kế hoạch khôi phục lại quyền lực vương triều.

Bên cạnh đó, đứng từ góc độ kinh tế, có thể nhận thấy rằng, về cơ bản nhà nước phía Đại Việt vẫn cần tới Hoàng Văn Đồng không chỉ như một quan lại ở địa phương mà quan trọng hơn với uy tín của mình trong cộng đồng khai mỏ ở Tụ Long, chính quyền Lê-Trịnh có thể thông qua ông ta để quản lý các hoạt động khai thác khoáng sản ở khu vực miền núi phía Bắc. Bên cạnh đó, kể từ sau khi tiến vào Thuận Quảng, việc giải quyết tình trạng thiếu hụt tiền tệ ở khu vực do chính quyền họ Nguyễn quản lý trước đây dần trở thành một thách thức đối với chính quyền Lê- Trịnh. Điều này buộc họ phải "truyền cho quan đạo Thuận Hóa rằng: năm trước lấy được ở Thuận Hóa những súng đồng, hỏa môn rộng quá không dùng được, cùng những đồ đồng lớn nặng không dùng được và những thứ không thể vận tải đi được nên lập tức phá hủy ra để đúc tiền. Mỗi đồng tiền nặng một đồng cân, dùng bốn chữ "Cảnh Hưng thuận bảo" (53). Đến năm đầu niên hiệu Chiêu Thống, tại Thăng Long, chính quyền nhà Lê thậm chí đã phải cho "thu vét đồ đồng ở đền chùa các lộ để đúc tiền. Kho tàng rỗng tuếch, không đủ tiếp tế đều đều mọi sự cần dùng cho việc quân. Các mỏ đồng ở thượng du lại bị thổ ty cản trở, thành thử không thu nộp được như trước. Hữu Chỉnh tâu xin thu vét hết tượng đồng ở đền chùa các lộ đem về kinh đô để đúc tiền "Chiêu Thống thông bảo (54).

Do đó, việc chấp nhận sự đầu hàng của Hoàng Văn Đồng một mặt thể hiện sự nhân nhượng của chính quyền triều Lê - Trịnh trong việc giải quyết nhiều vấn đề kinh tế và chính trị đồng thời ít nhất cũng đảm bảo việc xây dựng các thổ ty địa phương trở thành lực lượng phên dậu của chính quyền ở khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh lực lượng quân đội của Tây Sơn trở thành mối đe dọa mới từ phương Nam. Trong khi đó, đối với Hoàng Văn Đồng và gia tộc họ Hoàng ở Tụ Long, việc quy thuận nhà Lê -Trịnh có thể duy trì vị trí của họ ở khu vực biên giới Việt - Trung. Đó là lý do tại sao, Hoàng Văn Đồng và nhiều thổ ty ở khu vực miền núi phía Bắc

Việt Nam vẫn thể hiện thái độ trung thành với triều đình nhà Lê-Trịnh, kể cả trong bối cảnh triều đại này phải chạy khỏi Kinh đô Thăng Long vào năm 1788.

4. Cạnh tranh quyền lực và sự kết thúc vai trò của một gia tộc

Theo gia phả của họ Hoàng ở Tụ Long thì sau khi triều Tây Sơn giành lại được Thăng Long đã triệu tập Hoàng Văn Đồng về Phú Xuân để rồi sau đó ông ta cùng con trai trưởng của mình bị chính quyền Tây Sơn sát hại, trước khi được bộ hạ đem về (55). Mặc dù không có bất cứ một nguồn tài liệu nào khác ngoài gia phả của họ Hoàng đề cập đến cái chết của Hoàng Văn Đồng song có thể thấy nó có những căn cứ nhất định khi mà nhân vật này cùng với gia tộc của ông ta còn được nhắc đến trong các nguồn tài liệu của cả Việt Nam và Trung Quốc. Trong khi đó, thế lực của họ Hoàng dường như chỉ tồn tại trong một thời gian khá ngắn vào đầu thế kỷ XIX trước khi bị lấn áp bởi các thế lực thổ ty khác.

Tuy nhiên, sự tham gia của các thổ ty cũng như cộng đồng khai mỏ người Hoa vào quá trình chuyển đổi vương triều ở Đại Việt cũng như quan hệ giữa Trung Quốc và Đại Việt đã khẳng định tầm quan trọng của lực lượng này trong cấu trúc xã hội của miền Bắc Việt Nam vào cuối thế kỷ XVIII. Bên cạnh đó nó cũng cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa quyền lực của thổ ty và nguồn lợi khai mỏ. Điều này đồng nghĩa hoạt động khai mỏ trở thành một trong những vấn đề then chốt lý giải mối quan hệ quyền lực giữa nhà nước và địa phương ở miền Bắc Việt Nam trong suốt các thế kỷ XVIII - XIX.

Vào nửa cuối của thế kỷ XVIII, nhờ nắm giữ quyền quản lý và khai thác mỏ Tụ Long mà thế lực thổ ty có ảnh hưởng lớn nhất ở Tuyên Quang là họ Hoàng. Đến cuối thời Lê, thổ ty Hoàng Văn Đồng thậm chí có lúc đã được nhà nước bổ nhiệm làm Hiệp trấn Tuyên Quang - một chức quan cao cấp cấp tỉnh trong hệ thống tổ chức hành chính của các vương triều Đại Việt. Tuy nhiên, cùng với sự thay đổi triều đại và tình hình chính trị ở Đại Việt từ cuối thế kỷ XVIII, vị trí của gia tộc họ Hoàng ngày càng bị đe dọa bởi các thế lực thổ ty khác. Tháng 3 năm Gia Khánh thứ 5 (1800), Tuần phủ Vân Nam gửi cho hoàng đế triều Thanh một bản tấu thông báo sự việc: "Thổ mục Hoàng Phong Bút ở khu vực Tụ Long thuộc An Nam do cùng với thổ mục Bảo Lạc, Nam Sơn tranh giành lẫn nhau không địch lại được nên đem gia thuộc với nhân đinh hơn sáu mươi ba người chạy vào nội địa khu vực huyện Văn Sơn, phủ Khai Hóa, không có đường nào để trở về" (56). Tuy nhiên khi những tin tức về việc Hoàng Phong Bút xin tỵ nạn báo về Bắc Kinh chưa được bao lâu thì theo điều tra của chính quyền triều Thanh tại địa phương: "Các tộc mục và nhân dân khu vực Tụ Long là Hoàng Vân Tùng, Điền Văn Đẩu vốn chịu ơn Hoàng Phong Bút tụ tập binh dũng tám chín trăm người cùng với các thổ mục của Bảo Lạc và Nam Sơn đối địch khiến cho các thổ mục này vào đầu tháng hai phải rút, nhờ toàn bộ đất đai của Tụ Long được phục hồi, nhờ đó nhà cửa đất đai của Tụ Long được lấy lại. Hoàng Phong Bút được tin cũng nhanh chóng thông báo với chính quyền nhà Thanh trở về Tụ Long (57).

Sự kiện kể trên phần nào cho thấy cuộc đấu tranh quyết liệt giữa các thổ ty trong việc tranh giành quyền lực và đất đai. Mặc dù không lâu trước đó, các thổ ty ở Tụ Long, Nam Sơn và Bảo Lạc đã hợp sức cùng nhau tấn công thành Tuyên Quang nhằm giúp đỡ quân đội nhà Thanh và vua Lê Chiêu Thống khôi phục lại vương triều, song dường như điều này không làm giảm bớt những mâu thuẫn và căng thẳng bên

trong các thế lực này ở khu vực biên giới. Đến khi nhà Nguyễn được thành lập năm 1802, thổ ty ở Tụ Long là Hoàng Phong Bút vẫn có những ảnh hưởng nhất định ở địa phương, nhờ đó mà ông ta được chính quyền trung ương nhà Nguyễn giao cho nhiệm vụ quản lý và thu thuế ở mỏ Tụ Long (58). Tuy nhiên, chỉ vài năm sau ông ta bị kết tội làm loạn và bị quân đội nhà Nguyễn truy bắt (59). Các tài liệu lịch sử của triều Nguyễn không cho biết lý do mà Hoàng Phong Bút nổi loạn song dường như có thể thấy sức mạnh của gia tộc họ Hoàng ở Tụ Long là một trong những nguyên nhân đe dọa đến những nỗ lực kiểm soát các hoạt động khai mỏ của triều Nguyễn. Hệ quả là sau sự thất bại của cuộc nổi dậy do Hoàng Phong Bút lãnh đạo, không có bất kỳ một thổ ty họ Hoàng nào có quyền lực đáng kể nào ở Tụ Long được ghi chép trong các sử liệu của triều Nguyễn.

5. Kết luận

Lịch sử hơn nửa thế kỷ với những thăng trầm của gia tộc họ Hoàng ở Tụ Long được trình bày ở trên dù có nhiều chỗ còn nhiều nghi vấn do sự hạn chế về tư liệu song nó phần nào đã cho thấy một bức tranh tương đối đầy đủ về sự phát triển và suy tàn đầy tính năng động của quyền lực thổ ty ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam dưới tác động của các hoạt động khai mỏ ở khu vực này vào giai đoạn cuối của thời kỳ đế chế. Trên thực tế, nguồn lợi từ nền công nghiệp khai khoáng đem lại không chỉ chi phối trực tiếp đến quan hệ chính trị giữa các thổ ty và nhà nước mà thậm chí nó còn ảnh hưởng sâu sắc đến cấu trúc xã hội địa phương thông qua sự xuất hiện của các nhóm cư dân tương đối đa dạng về nguồn gốc cùng với đó là các liên minh khá phức tạp giữa các thổ ty, chính quyền địa phương và cộng đồng khai mỏ người Hoa. Bên cạnh đó, các quan hệ lợi ích này cũng ra đời và phát triển hết sức năng động, thậm chí liên tục biến đổi cùng với quá trình hưng thịnh và suy thoái của lĩnh vực kinh tế này.

Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận rằng nền tảng quyền lực của thủ lĩnh địa phương ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam được xác lập trên cơ sở hoạt động khai mỏ như trường hợp họ Hoàng ở Tụ Long không đủ sự bền vững cần thiết để có thể tạo ra một thể chế chính trị địa phương có sức mạnh chi phối đến khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam dù rằng trong nhiều thế kỷ, hầu như đời sống của các cộng đồng cư dân ở khu vực này tương đối biệt lập so với chính quyền trung ương. Sự nhạy cảm và thiếu ổn định của một nền kinh tế khai thác tài nguyên trong điều kiện hạn chế về kỹ thuật cũng như việc lệ thuộc quá nhiều vào lực lượng lao động từ bên ngoài đã khiến cho quyền lực của các thổ ty dựa vào hoạt động khai khoáng chỉ có thể tồn tại trong một thời gian ngắn trước khi bị mất vai trò khi mà nguồn tài nguyên từng bước bị cạn kiệt và việc khai thác không còn đem lại hiệu quả kinh tế. Các kết quả điều tra về đời sống của các xã hội vùng cao vào giai đoạn trước thời kỳ thuộc địa đều cho thấy hoạt động khai thác khoáng sản dưới sự quản lý của các thổ ty vẫn tồn tại nhưng không phải là nguồn lợi chính trong khi địa vị của hầu hết các thổ ty đều được xác lập trên cơ sở quy mô đất đai sở hữu cũng như nguồn tô thuế hàng năm thu được. Vì thế, sự trỗi dậy quyền lực thổ ty dưới tác động của hoạt động khai mỏ ở khu vực miền núi phía Bắc ở miền Bắc Việt Nam vào cuối thế kỷ XVIII có lẽ chỉ như những đốm sáng chợt bùng lên rồi sau đó bị lụi tắt trong lịch sử của mối quan hệ chính trị lâu dài và phức tạp giữa các thủ lĩnh địa phương và các chính quyền trung ương trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

CHÚ THÍCH

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong Đề tài mã số 601.01-2020.01.

(1). Xem thêm từ Phan Hữu Dật, Lâm Bá Nam, *Chính sách dân tộc của các nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỷ X-XIX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001; Nguyễn Minh Tường (chủ biên), *Chính sách đối với dân tộc thiểu số của nhà nước quân chủ Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017; Yoshikawa Kazuki, *The Lê-Trịnh Government and Native Chieftains in the Northern Uplands in Eighteenth-Century Vietnam: Focusing on the Lạng Sơn Region*, Japanese Journal of Southeast Asian Studies, 57(1), 2019, pp. 3-30.

(2). Cầm Trọng, *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978; Jacques Dournes (Nguyên Ngọc dịch), *Pötao, một lý thuyết về quyền lực ở người Jörai Đông Dương*, Nxb. Thế giới, 2018; Yoshikawa Kazuki, *Tình hình xã hội và tù trưởng bản địa ở trấn Lạng Sơn vào thế kỷ XVIII*, Tạp chí *Hán Nôm*, 2021, tr.164 56-69.

(3). George Condominas, *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1998; Okada Masashi, *Rethinking the Tai muong Structure Model: A View from a Valley Society of Mường Lò (Vietnam) in the 18th and the early 19th centuries*, Japanese Journal of Southeast Asian Studies, 50(1), 2012, pp. 3-38.

(4). Các kết quả điều tra dân tộc học về chế độ thổ ty của các tộc người thiểu số do các sinh viên Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội tiến hành vào những năm 1960 và các kết quả điều tra thực địa của tác giả trong gần mười năm qua cho thấy rằng phạm vi kiểm soát của các thổ ty ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam thường có quy mô tương ứng với một vài đơn vị hành chính cấp xã hiện nay.

(5). Catherine Churchman, *The People between the Rivers: The Rise and Fall of a Bronze Drum Culture, 200-750 CE*, Rowman & Littlefield Publishers, 2016, pp.141-167; James Anderson, *Commissioner Li and Prefect Huang: Sino-Vietnamese Frontier Trade Networks and Political Alliances in the Southern Song*, Asian Major, 27 (2), 2016, pp.29-51; Li Tana, *A View from the Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese Coast* Journal of Southeast Asian Studies, 37(1), 2006, pp. 83-102.

(6). Okada Masashi, *The Link Between Global Market Change and Local Strategy: The Case of Vietnamese Cinnamon in the Eighteenth and Nineteenth Century*. In Shigeru Akita, Hong Liu, Shiro Momoki (eds), Changing Dynamics and Mechanisms of Maritime Asia in Comparative Perspectives, Springer, 2021, pp. 75-99.

(7). Vũ Đường Luân, *The Politics of Frontier Mining: Local Chieftains, Chinese Miners, and Upland Society in the Nông Văn Vân Uprising in the Sino-Vietnamese Border Area, 1833-1835*, Cross-Curents: East Asian History and Culture Review, 3(2), 2014, pp. 349-378.

(8). Vương Hoàng Tuyên, *Tình hình công thương nghiệp Việt Nam thời Lê mạt*, Nxb. Văn- Sử - Địa, Hà Nội, 1958; Phan Huy Lê, *Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, 1963.

(9). James A. Anderson, John Whitmore, *The Dong World: A Proposal for Analizing the Highlands Beetwen the Yangtzi River and the Southeast Asian Lowlands*, Asian Highland Perspectives Journal, 44, 2017, pp.1-71.

(10). Hà Văn Tân, *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994; Nam C. Kim, *The Dong Son culture of Vietnam*. In C.F.W. Higham, Nam C. Kim (Ed) The Oxford Handbook of Early Southeast Asia, Oxford: Oxford University Press, 2022.

(11). Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, 1993,

T.I, tr.260; Trần Quốc Vượng (dịch), *Việt sử lược*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.93.

(12). Hồ Bạch Thảo (dịch), *Minh thực lục: Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ XIV-XVI*, Nxb. Hà Nội, 2010, T.I, tr. 291, 329; T.II, tr.67, 146.

(13). Hồ Bạch Thảo (dịch), *Minh thực lục: Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ XIV-XVI,* sđd, T.II, tr.72.

(14). Nguyễn Trãi, *Dư địa chí* (Phan Duy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu chú), Nxb. Sử học, 1960, tr. 46-57.

(15). Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, T.III, tr.206.

(16). Khuất Đại Quân, *Quảng Đông tân ngữ*, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1985, tr.406.

(17). E-tu Zen Sun, *Mining Labor in the Ch'ing Period*. In Albert Feuerwerker, Rhoads Murphey and Mary Wright (eds), Approaches to Modern Chinese History, Berkeley: University of California Press, 1967, pp.45-67.

(18). 李中清,中国西南边疆的社会经济(1250-1850), 北京：人民出版社 2012 年, 页140.

(19). Yang Yuda, *Silver Mines in Frontier Zones: Chinese Mining Communities along the Southwestern Borders of the Qing empire*. In Mining, Monies, and Culture in Early Modern Societies edited by Kim Nanny and Nagase-Reimer Keiko, Leiden: Brill, 2016, pp. 93-94.

(20). Theo các thông tin từ các sử liệu Trung Quốc, chỉ tính riêng hai mỏ quan trọng nhất ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam là mỏ Tụ Long và Tống Tinh thì mỗi mỏ có số lao động lên tới vài vạn người.

(21). Viện Nghiên cứu Hán Nôm (dịch), *Đại Việt sử ký tục biên* (sau đây viết tắt là TB), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.73.

(22). TB, sđd, tr.62.

(23). TB, sđd, tr.237.

(24). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (sau đây viết tắt là LC), Nxb. Giáo dục, T.II, 2007, tr.139.

(25). LC, sđd, T.II, tr.141.

(26). Phạm Thành Đại, *Quế Hải ngu hành chí*, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 2002. Nguyên văn: 羈縻州洞，隸邕州左右江者為多。舊有四道，儂氏謂安平、武勒、忠浪、七源四州，皆儂姓。又有四道：黃氏謂安德、歸樂、露城、田州，皆黃姓.

(27). Thoát Thoát, *Tống sử*, Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1975, Q.495, tr.14215. Nguyên văn: 其先，韦氏、黄氏、周氏、侬氏为首领，互相劫掠。唐邕管经略使徐申厚抚之，黄氏纳质，而十三部二十九州之蛮皆定.

(28). Gia phả họ Hoàng ở trấn Đô Long, huyện Mã Quan, châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) [归仁里傣族黄氏族] do tác giả sưu tầm trong quá trình khảo sát tại địa phương.

(29). 方国瑜主编, 云南史料丛刊, 昆明: 云南大学出版社 1999 年, 第 8 册, tr. 521-522.

(30). Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2007, tr.404.

(31). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Địa bạ xã Tụ Long (Vị Xuyên, Tuyên Quang)*. Mã ký hiệu: 8152.

(32). *Thanh thực lục*, Cao Tông thực lục, Q.387, tr.14-15.

(33). 方国瑜主编, 云南史料丛刊, Sđd, tr. 754. Nguyên văn: 矣揚與都竜土目黃文棋連年構釁，互相勝負，未便遽議撤防.

(34). Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, sđd, tr.411

(35). Mặc dù vậy trong gia phả của họ Hoàng ở Tụ Long hiện nay lại không hề nhắc tới Hoàng Văn Kỳ mà lại chỉ đề cập đến Hoàng Văn Đồng.

(36). LC, Sđd, T.II, tr.141.

(37). *Thanh thực lục*, Cao Tông thực lục, Q.191, tr.42. Nguyên văn: 都 竜 一 厥。聚 集 民 夷。不 下 十 餘 萬。內 游 手 無 業 之 徒.

(38). Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, sđd, tr. 412.

(39). Xem thêm 马 琦，国 家 资 源: 清 代 滇 铜 黔 铅 开 发 研 究，北 京：人 民 出 版 社, 2013.

(40). Alexander Woodside, The relationship between political theory and economic growth in Vietnam, 1750-1840 trong sách Anthony Reid ed, *The Last Stand of Asian Autonomies (*London and New York: MacMilan, 1997), tr.259-260.

(41), (42), (43), (44), (45). Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, sđd, tr.412, 410, 413, 412, 390.

(46). TB, sđd, tr.362.

(47). 台 湾 中 央 研 究 院 历 史 语 言 研 究 所, 明 清 史 料, 庚 編，北 京: 中 华 书 局, 1987, 上 冊，第 201 页.

(48). TB, sđd, tr.362.

(49). TB, sđd, tr.448-449.

(50). Thanh thực lục, Cao Tông thực lục, Q.1086, tr. 15-17. Nguyên văn: 雲 南 開 化 地 方 。雖 與 安 南 接 壤。究 非 若 廣 西 邊 境。係 安 南 交 界 正 路。今 黃 文 桐、既 叛 安 南。必 有 黨 羽 四 布。若 雲 南 獲 有 安 南 匪 犯。即 從 開 化 發 回。或 黃 文 桐 之 黨。假 裝 安 南 土 目 接 收。轉 墮 奸 人 詭 計 。不 可 不 慮.

(51). Thanh thực lục, Cao Tông thực lục, Q.1087, tr. 23-26. Nguyên văn: 该 国 有 匪 犯 黄 文 桐. 聚 众 扰 摞，现 在 发 兵 剿 捕。恐 该 犯 与 其 党 目 徒 众 窜 入 内 地 ，恳 请 一 并 截 拿，准 依 往 例，发 回 究 处.

(52). Nội các triều Thanh, *Khâm Định An Nam kỷ lược*, Q.5-9, tr.212.

(53). TB, sđd, tr.407.

(54). Quốc sử quan triều Nguyễn, *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 809.

(55). Tư liệu gia phả của họ Hoàng ở Tụ Long. Nguyên văn: 宣 光 和 興 化 邊 關 一 帶 收 復 後，時 不 過 兩 年 黎 於 西 頁 冨 春 崩 駕，阮 建 位 後，召 文 同 進 東 京 會 宴 於 一 七 九 二 年 四 月。四 日，不 辛 文 同 及 其 長 子 大 有 被 刺 害 命，部 下 兵 將 回 歸.

(56). 台 湾 故 宫 博 物 院, 宫 中 档 案，档 号 : 005255. Nguyên văn: 安 南 國 所 屬 都 竜 土 目 黃 峰 筆，因 被 報 樂 南 山 等 土 目 爭 奪 地 方 力 不 能 敵。家 屬 六 十 三 丁 口 與 該 土 目 先 後 奔 至 內 地 開 化 府 屬 文 山 縣 地 方 避 難，並 已 無 路 可 回.

(57). Nguyên văn: 都 竜 族 目 黃 雲 松、田 文 門 等 所 屬 人 民 念 及 黃 峰 筆 舊 恩 ，聚 集 兵 勇 八 九 百 名 與 保 樂、南 山 等 土 目 對 敵，連 得 勝 仗。保 樂，南 山 各 土 目 已 於 二 月 初 間 退 敗 回 剿。所 都 竜 疆 土 全 行 恢 復。現 在 黃 雲 松 等 遣 人 向 黃 峰 筆 報 知.

(58). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục,* Nxb. Giáo dục, Hà Nội, T.I, 2007, tr.531.

(59). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục,* sđd, T.I, tr.731.